

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
đã được kiểm toán*

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5 – 27
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần VINAM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần VINAM được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015917 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2007. Công ty chuyển đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102174005 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 07 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là **32.500.000.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Lập hồ sơ dự thầu, phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, kỹ thuật thi công các dự án xây dựng;
- Lập, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo tiền khả thi và báo cáo đầu tư các dự án;
- Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng;
- Vận chuyển hành khách theo đường bộ; Kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị phục vụ ngành xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng; Xây dựng các công trình điện năng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 27).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Quang Thắng	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Anh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Anh	Ủy viên	Từ ngày 10 tháng 12 năm 2015
Bà Đinh Thị Kim Dung	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 18 tháng 8 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Hà	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2015
Ông Nguyễn Việt Anh	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2015
Ông Đào Văn Hùng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 8 năm 2015
Ông Lại Thế Vĩnh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2015
Ông Phan Tuấn Sơn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2015
Ông Phạm Thế Anh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Thế Anh	Giám đốc	
Ông Nguyễn Tiến Sỹ	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Thành Long	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2015
Bà Phạm Thu Huyền	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Sáng	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2015

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2016

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Phạm Thế Anh



Số: *AA*./2016/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công Cổ phần VINAM, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2016, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần VINAM tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc



Bùi Thị Ngọc Liên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2016

Kiểm toán viên

Trần Thị Mai

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2510-2013-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.779.819.777	5.225.036.738
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.834.386	6.638.469
1.	Tiền	111	V.01	7.834.386	6.638.469
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính	120	V.02	307.032	307.032
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		307.032	307.032
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.767.064.541	5.218.091.237
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	2.663.529.026	4.016.651.062
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		514.961.371	834.058.371
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	2.774.135.725	3.642.405.894
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(2.185.561.581)	(3.275.024.090)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		-	-
1.	Hàng tồn kho	141		-	-
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		4.613.818	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.613.818	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		22.206.155.842	21.995.059.822
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		7.220.220.135	10.220.220.135
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	4.720.220.135	4.720.220.135
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.04	2.500.000.000	2.500.000.000
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	-	3.000.000.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		307.391.707	404.295.687
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	57.391.707	154.295.687
	- Nguyên giá	222		669.994.286	669.994.286
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(612.602.579)	(515.698.599)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.07	250.000.000	250.000.000
	- Nguyên giá	228		250.000.000	250.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	14.678.544.000	11.370.544.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		14.678.544.000	11.370.544.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		25.985.975.619	27.220.096.560

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		3.208.462.662	4.775.051.945
I.	Nợ ngắn hạn	310		3.208.462.662	4.775.051.945
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	273.057.327	523.057.327
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	2.600.323.464	2.600.323.464
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	289.988.915	275.212.705
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.08	-	1.331.365.493
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45.092.956	45.092.956
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.12	22.777.512.957	22.445.044.615
I.	Vốn chủ sở hữu	410		22.777.512.957	22.445.044.615
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.500.000.000	32.500.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.500.000.000	32.500.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		2.600.000.000	2.600.000.000
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		195.900.595	195.900.595
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(12.518.387.638)	(12.850.855.980)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(12.850.855.980)	(10.451.201.902)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		332.468.342	(2.399.654.078)
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		25.985.975.619	27.220.096.560

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Linh



Phạm Thu Huyền



Phạm Thế Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	-
4.	Giá vốn hàng bán	11		-	(519.085.400)
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	519.085.400
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.01	36.974	74.760.920
7.	Chi phí tài chính	22		-	-
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.04	-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.04	(316.097.578)	3.143.951.100
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		316.134.552	(2.550.104.780)
11.	Thu nhập khác	31	VI.02	16.333.790	710.033.023
12.	Chi phí khác	32	VI.03	-	559.582.321
13.	Lợi nhuận khác	40		16.333.790	150.450.702
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		332.468.342	(2.399.654.078)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		332.468.342	(2.399.654.078)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.05	102	(738)
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.06	102	(738)

Người lập biểu



Nguyễn Thị Linh

Kế toán trưởng



Phạm Thu Huyền

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2016



Giám đốc

Phạm Thế Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		222.219.036	632.499.037
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(302.694.600)	(69.740.300)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(262.000.000)	(252.001.818)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		-	-
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.633.000.000	587.000.000
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.650.000.000)	(933.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.640.524.436	(35.243.081)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.308.000.000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		36.974	802.586
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.307.963.026)	802.586

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.331.365.493)	(50.000.000)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.331.365.493)	(50.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.195.917	(84.440.495)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		6.638.469	91.078.964
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		7.834.386	6.638.469

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Linh

Phạm Thu Huyền

Phạm Thế Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, xây lắp.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Lập hồ sơ dự thầu, phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, kỹ thuật thi công các dự án xây dựng;
- Lập, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo tiền khả thi và báo cáo đầu tư các dự án;
- Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng;
- Vận chuyển hành khách theo đường bộ; Kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị phục vụ ngành xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng; Xây dựng các công trình điện năng.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm 2014.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc.

03. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Máy móc, thiết bị	6 – 10 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

07. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Năm 2013 Công ty bắt đầu lỗ. Hiện tại, Công ty đang trong giai đoạn chuyển lỗ nên không phải tính thuế TNDN.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	2.285.401	1.460.894
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.548.985	5.177.575
Cộng	7.834.386	6.638.469

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM
Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

02. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Tổng giá trị cổ phiếu	307.032	429.000	307.032	305.000
+ Công ty Cổ phần vàng bạc đá quý Phú Nhuận(*)	307.032	429.000	307.032	305.000
Cộng	307.032	429.000	307.032	305.000

(*): Đầu tư 10 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần của Công ty Cổ phần vàng bạc đá quý Phú Nhuận.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	14.678.544.000	14.678.544.000	11.370.544.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lai Châu(*)	14.678.544.000	14.678.544.000	11.370.544.000	-
Cộng	14.678.544.000	14.678.544.000	11.370.544.000	-

(*): Trong năm, Công ty đã mua thêm 330.800 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lai Châu với giá mua là 10.000 đồng/cổ phần. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 1.467.854 cổ phiếu, tương đương 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lai Châu (số đầu năm là 1.137.054 cổ phiếu, tương đương 20% vốn điều lệ).

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	2.663.529.026	4.016.651.062
- Công ty Cổ phần Năng Lượng Hà Thành	-	1.000.000.000
- Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ nông sản Thanh Thúy	265.000.000	265.000.000
- Công ty Cổ phần xây dựng Phục Hưng Holding (XNK Phục Hưng)	324.438.726	546.657.762
- Công ty Cổ phần thương mại và đầu tư Sinh Phát	2.074.090.300	2.204.993.300
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	4.720.220.135	4.720.220.135
- Công ty Cổ phần Năng Lượng Hà Thành	793.347.339	793.347.339
- Công ty Cổ phần thương mại và đầu tư Sinh Phát	3.926.872.796	3.926.872.796
Cộng	7.383.749.161	8.736.871.197

04. Phải thu về cho vay và các khoản phải thu khác**04.1 Phải thu về cho vay**

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu cho vay ngắn hạn	-	-
b. Phải thu cho vay dài hạn	2.500.000.000	2.500.000.000
- Ông Phạm Văn Minh (*)	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	2.500.000.000	2.500.000.000

(*): Là khoản cho ông Phạm Văn Minh vay theo Hợp đồng cho vay vốn số 02/HĐ-2014 ngày 30 tháng 01 năm 2014 và phụ lục hợp đồng cho vay dài hạn số 01/PLHĐ ngày 30 tháng 5 năm 2014. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng. Lãi suất 6 tháng đầu năm 2014 là 5%/năm, từ ngày 01 tháng 8 năm 2014 lãi suất 0%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAMSố 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04.2 Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Phải thu ngắn hạn khác				
- Tạm ứng	2.774.135.725	123.007.900	3.642.405.894	331.760.169
- Phải thu khác	2.377.169.491	-	2.761.583.491	-
+ Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình	396.966.234	123.007.900	880.822.403	331.760.169
+ Công ty Cổ phần Solavina	200.000.000	-	165.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam	-	-	200.000.000	-
+ Ông Phạm Văn Minh	73.958.334	-	100.000.000	-
+ Phải thu khác	123.007.900	123.007.900	73.958.334	331.760.169
b. Phải thu dài hạn khác				
- Phải thu khác	-	-	3.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam	-	-	3.000.000.000	-
Cộng	2.774.135.725	123.007.900	6.642.405.894	331.760.169

05. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
+ Công ty Cổ phần Năng Lượng Hà Thành	-	-	1.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần thương mại và đầu tư Sinh Phát (Chỉ tiêu Phải thu khách hàng)	2.074.090.300	526.497.990	2.204.993.300	1.102.496.650
+ Công ty Cổ phần thương mại và đầu tư Sinh Phát (Chỉ tiêu Trả trước cho người bán ngắn hạn)	-	-	319.097.000	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Tây Đô	514.961.371	-	514.961.371	-
+ Đối tượng khác	123.007.900	-	338.469.069	-
Cộng	2.712.059.571	526.497.990	4.377.520.740	1.102.496.650

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
Số dư đầu năm	669.994.286	-	669.994.286
- Mua trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối năm	669.994.286	-	669.994.286
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	515.698.599	-	515.698.599
- Khấu hao trong năm	96.903.980	-	96.903.980
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối năm	612.602.579	-	612.602.579
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	154.295.687	-	154.295.687
2. Tại ngày cuối năm	57.391.707	-	57.391.707

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 50.000.000 đồng.

07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
Số dư đầu năm	250.000.000	-	250.000.000
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	250.000.000	-	250.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	250.000.000	-	250.000.000
2. Tại ngày cuối năm	250.000.000	-	250.000.000

Giá trị quyền sử dụng đất là chi phí để có quyền sử dụng thửa đất tại Hồng Hậu, phường Phú Thịnh, thị xã Sơn Tây, Hà Nội theo Hợp đồng chuyển nhượng tài sản ngày 16 tháng 9 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAMSố 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	1.331.365.493	1.331.365.493	-	1.331.365.493	-	-
- Vay ngân hàng	-	-	-	-	-	-
- Vay đối tượng khác ^(*)	1.331.365.493	1.331.365.493	-	1.331.365.493	-	-
+ Ông Lê Xuân Tuấn	331.365.493	331.365.493	-	331.365.493	-	-
+ Bà Nguyễn Thị Hương	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000	-	-
+ Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000	-	-
b) Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	1.331.365.493	1.331.365.493	-	1.331.365.493	-	-

^(*) Các khoản vay cá nhân với lãi suất 0%/năm, các khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.**09. Phải trả người bán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	273.057.327	273.057.327	523.057.327	523.057.327
- Công ty TNHH Phú Tài Lộc	234.893.483	234.893.483	234.893.483	234.893.483
- Công ty Cổ Phần Solavina	-	-	250.000.000	250.000.000
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	38.163.844	38.163.844	38.163.844	38.163.844
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	273.057.327	273.057.327	523.057.327	523.057.327

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	512.254.289	-	-	-	512.254.289
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.077.231.110	-	-	-	2.077.231.110
- Thuế thu nhập cá nhân	-	10.838.065	-	-	-	10.838.065
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-	-	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	-	2.600.323.464	-	-	-	2.600.323.464

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAMSố 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Ngắn hạn	289.988.915	275.212.705
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	-	-
- Bảo hiểm xã hội	214.633.961	113.731.346
- Bảo hiểm y tế	24.950.119	20.360.119
- Bảo hiểm thất nghiệp	3.095.585	3.095.585
- Phải trả về cổ phần hoá	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	47.309.250	138.025.655
b) Dài hạn	-	-
	380.705.320	275.212.705

12. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	32.500.000.000	2.600.000.000	195.900.595	(10.451.201.902)	24.844.698.693
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lỗi trong năm trước	-	-	-	(2.399.654.078)	(2.399.654.078)
Số dư cuối năm trước	32.500.000.000	2.600.000.000	195.900.595	(12.850.855.980)	22.445.044.615
Số dư đầu năm nay	32.500.000.000	2.600.000.000	195.900.595	(12.850.855.980)	22.445.044.615
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	332.468.342	332.468.342
Tăng khác	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	32.500.000.000	2.600.000.000	195.900.595	(12.518.387.638)	22.777.512.957

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Nhà nước	-	-	-	-
Vốn góp của các cổ đông khác	32.500.000.000	100	32.500.000.000	100
Cộng	32.500.000.000	100	32.500.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	32.500.000.000	32.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối năm	32.500.000.000	32.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	-	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này</i>	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.250.000	3.250.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.250.000	3.250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.250.000</i>	<i>3.250.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.250.000	3.250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.250.000</i>	<i>3.250.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	195.900.595	195.900.595
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	195.900.595	195.900.595

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	36.974	74.728.920
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	32.000
Cộng	<u>36.974</u>	<u>74.760.920</u>

02. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
- Các khoản khác	16.333.790	710.033.023
Cộng	<u>16.333.790</u>	<u>710.033.023</u>

03. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	27.185.437
- Các khoản khác	-	532.396.884
Cộng	<u>-</u>	<u>559.582.321</u>

04. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	981.017.422
- Chi phí nhân viên quản lý	262.000.000
- Chi phí vật liệu quản lý	-
- Chi phí đồ dùng văn phòng	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	96.903.980
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.770.782
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	561.342.660
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	-
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	(1.297.115.000)
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.297.115.000)
Cộng	<u>(316.097.578)</u>

05. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	332.468.342	(2.399.654.078)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	332.468.342	(2.399.654.078)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.250.000	3.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>102</u>	<u>(738)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAMSố 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	332.468.342	(2.399.654.078)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	332.468.342	(2.399.654.078)
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.250.000	3.250.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>102</u>	<u>(738)</u>

07. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	262.000.000	261.181.818
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	96.903.980	138.751.462
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.770.782	64.207.182
- Chi phí khác bằng tiền	564.342.660	39.974.159
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.297.115.000)	2.120.751.079
Cộng	<u>(316.097.578)</u>	<u>2.624.865.700</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ban điều hành		
- Tạm ứng	1.450.000.000	-
- Hoàn tiền tạm ứng	1.721.000.000	122.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban điều hành		
+ Tạm ứng	2.047.302.629	2.318.302.629
Cộng nợ phải thu	<u>2.047.302.629</u>	<u>2.318.302.629</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, phụ cấp	119.545.455	109.638.191
Cộng	<u>119.545.455</u>	<u>109.638.191</u>

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng Lượng Việt Nam	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Solavina	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lai Châu	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam		
+ Mua cổ phần	3.308.000.000	-
+ Bù trừ công nợ	3.100.000.000	-
+ Bù trừ công nợ ba bên	208.000.000	-
+ Cho vay không tính lãi	-	265.000.000
Công ty Cổ phần Solavina		
+ Thanh toán công nợ phải trả	250.000.000	-
+ Cho vay không tính lãi		400.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính các công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam		
+ Phải thu khác	-	100.000.000
+ Phải trả dài hạn khác	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Solavina		
+ Phải thu khác	200.000.000	200.000.000
Cộng nợ phải thu	<u>200.000.000</u>	<u>3.300.000.000</u>
Công ty Cổ phần Solavina		
+ Phải trả người bán	-	250.000.000
Cộng nợ phải trả	<u>-</u>	<u>250.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Dự phòng	Giá trị ghi số	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.834.386	-	26.670.694	-	7.834.386	26.670.694
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.780.715.395	(2.185.561.581)	12.467.964.564	(3.814.436.750)	5.595.153.814	8.653.527.814
Phải thu về cho vay	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	307.032	-	307.032	-	307.032	307.032
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	10.288.856.813	(2.185.561.581)	14.994.942.290	(3.814.436.750)	8.103.295.232	11.180.505.540

Giá trị sổ sách

Số cuối năm	Số đầu năm	Giá trị hợp lý	Số cuối năm	Số đầu năm
273.057.327	523.057.327	273.057.327	523.057.327	523.057.327
-	1.331.365.493	-	-	1.331.365.493
-	-	-	-	-
47.309.250	138.025.655	47.309.250	138.025.655	138.025.655
320.366.577	1.992.448.475	320.366.577	1.992.448.475	1.992.448.475

Nợ phải trả tài chính

Phải trả cho người bán
Vay và nợ
Chi phí phải trả
Các khoản phải trả khác
Cộng

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

04. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	273.057.327	-	-	273.057.327
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	47.309.250	-	-	47.309.250
Cộng	320.366.577	-	-	320.366.577
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	523.057.327	-	-	523.057.327
Vay và nợ	1.331.365.493	-	-	1.331.365.493
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	138.025.655	-	-	138.025.655
Cộng	1.992.448.475	-	-	1.992.448.475

06. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 2 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

07. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, một số nội dung được trình bày lại cho phù hợp với quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

STT	Nội dung	Số dư tại 01/01/2015 (VND)	Chỉ tiêu đã trình bày trên BCTC năm 2014		Chỉ tiêu trình bày trên BCTC năm 2015	
			Tên chỉ tiêu	Mã số	Tên chỉ tiêu	Mã số
1	Tạm ứng	2.761.583.491	Tài sản ngắn hạn khác	158	Phải thu ngắn hạn khác	136
2	Hợp tác đầu tư	3.000.000.000	Đầu tư dài hạn khác	258	Phải thu dài hạn khác	216
3	Cho vay	2.500.000.000	Đầu tư dài hạn khác	258	Phải thu về cho vay dài hạn	215

Trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

STT	Nội dung	Chỉ tiêu đã trình bày trên BCTC năm 2014		Chỉ tiêu trình bày trên BCTC năm 2015	
		Mã số	Số tiền (VND)	Mã số	Số tiền (VND)
1	Thu nhập khác	31	240.909.091	31	-
2	Chi phí khác	32	268.094.528	32	27.185.437

08. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Linh

Kế toán trưởng



Phạm Thu Huyền

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2016



Phạm Thế Anh